|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN MƯỜNG CHÀ  **TRƯỜNG PTDTBT TH&THCS**  **MƯỜNG TÙNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
|  |  |
| Số: /KH-TH&THCSMT | *Mường Tùng, ngày 16 tháng 8 năm 2024* |

# KẾ HOẠCH

## Dạy và học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một năm học 2024-2025

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT ngày 11/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một;

Căn cứ công văn số: 672/PGDĐT-GDTH ngày 09/08/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ trọng tâm giáo dục Tiểu học năm học 2024-2025.

Căn cứ điều kiện và tình hình thực tế của đơn vị, trường PTDTBT TH&THCS xã Mường Tùng xây dựng kế hoạch dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp 1 như sau:

# MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU

## Mục đích

Tổ chức, quản lí, hướng dẫn thực hiện hoạt động dạy và học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một theo văn bản quy định.

Chuẩn bị tâm thế sẵn sàng, tạo hứng thú, chủ động cho trẻ trong học tập; hình thành một số kĩ năng học tập cơ bản và năng lực sử dụng tiếng Việt, kĩ năng giao tiếp, ứng xử xã hội cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một.

Xác định được những nội dung cần phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong việc dạy và học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một.

## Yêu cầu

Tổ chức dạy và học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một đảm bảo theo quy định Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT ngày 11/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và phù hợp với điều kiện thực tế và đối tượng trẻ của trường, của lớp.

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội để triển khai có hiệu quả dạy và học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một.

# NỘI DUNG, THỜI LƯỢNG, QUY MÔ, ĐỊA ĐIỂM

## Nội dung dạy và học tiếng Việt

Thực hiện theo Điều 5 của Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT ngày 11/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và phù hợp với điều kiện thực tế và đối tượng trẻ của trường, của lớp gồm các nội dung:

* + - Chuẩn bị tâm thế vào lớp Một;
    - Hình thành các kĩ năng học tập cơ bản;
    - Hình thành và phát triển năng lực nghe, nói:
    - Hình thành và phát triển năng lực đọc;
    - Hình thành và phát triển năng lực viết.

*(chi tiết theo Phụ lục đính kèm).*

## Thời lượng dạy học

* + - Thời gian thực hiện: 2 buổi/ngày bắt đầu từ ngày 22/8/2024
    - Thời lượng dạy học từng chủ điểm/bài học theo Phụ lục đính kèm.

## Quy mô, địa điểm dạy học

* + - Quy mô lớp/học sinh: 1 lớp/22 học sinh.
    - Địa điểm dạy và học: Tại trường PTDTBT TH&THCS Mường Tùng

# TỔ CHỨC THỰC HIỆN

## Ban giám hiệu

Chịu trách nhiệm tuyên truyền, tổ chức thực hiện việc dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một tại đơn vị; tôn trọng quyền tự chủ của giáo viên trong việc thực hiện dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một; thực hiện chi trả chế độ (nếu có) kịp thời cho giáo viên và trẻ được phân công, tham gia hoạt động dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một theo quy định.

Chỉ đạo việc xây dựng và thực hiện kế hoạch dạy học; sắp xếp, bố trí nhân sự, cơ sở vật chất phù hợp để thực hiện nội dung dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một theo quy định.

Thực hiện tốt công tác phối hợp nhà trường, gia đình và xã hội trong tổ chức dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một tại đơn vị.

Giải trình, giải quyết thắc mắc, kiến nghị, nhận xét và đánh giá kết quả dạy học trong phạm vi quyền hạn trường tiểu học; báo cáo kết quả thực hiện về Phòng Giáo dục và Đào tạo trước khi năm học mới bắt đầu.

## Tổ trưởng chuyên môn Tiểu học

Cùng với giáo viên trong tổ chuyên môn tham mưu xây dựng kế hoạch dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một của nhà trường. Chỉ đạo giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học và kế hoạch bài dạy đảm bảo phù hợp với đối tượng, điều kiện cơ sở vật chất của trường, lớp.

Tổ chức kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một trong tổ chuyên môn. Báo cáo khó khăn, vướng mắc về Ban giám hiệu nhà trường để giải quyết.

## Giáo viên được phân công giảng dạy

Căn cứ yêu cầu, mục tiêu cần đạt và kế hoạch chi tiết về việc dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một của nhà trường, giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học cho phù hợp với tình hình thực tế, trình Hiệu trưởng phê duyệt trước khi thực hiện.

Tham gia tập huấn và xây dựng kế hoạch bài dạy, triển khai dạy học và tổ chức hoạt động học cho trẻ theo đúng nội dung, phương pháp dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một.

Chịu trách nhiệm đánh giá quá trình học tập, rèn luyện và kết quả học tập trong việc dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một; tổng hợp kết quả dạy học trong lớp, báo cáo Hiệu trưởng theo yêu cầu.

Theo dõi sự tiến bộ của mỗi trẻ, ghi chép những lưu ý với trẻ có nội dung chưa hoàn thành hoặc có tiến bộ trong học tập và rèn luyện; trao đổi và phối hợp với cha mẹ hoặc người giám hộ của trẻ khi cần thiết.

Tuyên truyền và phối hợp với phụ huynh học sinh chuẩn bị đảm bảo đồ dùng học tập cho trẻ học tập trước khi vào lớp Một.

Báo cáo kịp thời khó khăn, vướng mắc về Tổ chuyên môn, Ban giám hiệu nhà trường để giải quyết.

## Phụ huynh học sinh

Đưa trẻ đến lớp chuyên cần, đúng giờ; phối hợp giáo viên trong việc rèn luyện, học tập và thống nhất biện pháp hỗ trợ trẻ; khuyến khích đến lớp tìm hiểu và hỗ trợ trẻ học tập.

Phối hợp với giáo viên chuẩn bị đảm bảo đồ dùng học tập cho trẻ.

Khi cho trẻ nghỉ học phải xin phép và được sự nhất trí của giáo viên giảng dạy.

Trên đây là Kế hoạch dạy và học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một năm học 2024-2025 của Trường PTDTBT TH&THCS Mường Tùng. Đề nghị các cán bộ quản lý, giáo viên và các cá nhân có liên quan tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***   * Phòng GD&ĐT (b/c); * Phụ huynh có trẻ trước khi vào lớp 1 (TB); * Lưu: VT. | **HIỆU TRƯỞNG** |

## Dạy và học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một năm học 2024-2025

*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-TH&THCsMT ngày /8/2024 của Trường PTDTBT TH&THCS Mường Tùng)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Chương trình** | | | **Nội dung dạy học** | **Ghi chú** |
| **Chủđề/**  **mạch nội dung** | **Tên bài học** | **Tiết học/ thời lượng 35 phút** |
| 1 | 1. Làm quen với tiếng Việt | 1. Bài học đầu tiên | Tiết 1: Nói và nghe theo mẫu.  Mở rộng vốn từ và mẫu câu | - Chào gặp mặt và chào tạm biệt;  - Tự giới thiệu làm quen;  - Xin phép trong lớp;  - Cảm ơn và xin lỗi |  |
| - Từ ngữ chỉ người: Em và những người gần gũi quanh em;  - Mẫu câu: Chào gặp mặt và tạm biệt; Tự giới thiệu bản thân; Xin phép, cảm ơn và xin lỗi.  - Hướng dẫn học sinh làm quen với các ký hiệu, tín hiệu và quy ước;  - Nhận nhiệm vụ, thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của giáo viên |  |
| Tiết 2: Đọc | - Làm quen với sách và việc đọc: Cầm sách, lật sách, mở sách, giữ khoảng cách mắt với sách, nhận biết bìa sách với trang sách, chữ và hình trong sách, cách đưa mắt đọc từ trên xuống, từ trái sang phải (tranh khổ lớn) |  |
| Tiết 3: Viết | - Tập cầm bút chì tô trên vở ô li đúng cách; (Học sử dụng đồ dung học tập)  - Tô tổ hợp các nét cơ bản trong vở (viết trên bảng con): nét thẳng, nét ngang, nét xiên trái, nét xiên phải. |  |
| 2. Nói về em | 2. Nói về em | Tiết 1: Nói và nghe theo mẫu.  Mở rộng vốn từ và mẫu câu | - Tự giới thiệu tên, tuổi, lớp học, cô giáo, sở thích cá nhân |  |
| - Từ ngữ chỉ người thân của em ở nhà, ở lớp;  - Từ ngữ chỉ tuổi, chỉ sở thích của em;  - Mẫu câu giới thiệu em, sở thích của em. |  |
| Tiết 2: Đọc | - Quan sát tranh và tìm hiểu clip theo chủ điểm. |  |
| Tiết 3: Viết | - Tập cầm bút chì tô trên vở ô li đúng cách;  - Tô tổ hợp các nét cơ bản trong vở (viết trên bảng con): Nét móc xuôi, nét móc ngược, nét móc hai đầu trên bảng con và trong vở. |  |
| 3. Em và bạn bè | 3. Bạn của em ở trường | Tiết 1: Nói và nghe theo mẫu.  Mở rộng vốn từ và mẫu câu | - Giới thiệu bạn của em;  - Câu hỏi về một nhân vật (hỏi về bạn, hỏi về người thân ….). |  |
| Từ ngữ chỉ bạn bè, hoạt động của bạn, người thân;  - Mẫu câu: câu giới thiệu nhân vật, câu hỏi về một nhân vật, câu nói về hoạt động (em/bạn bè ..) |  |
| Tiết 2: Đọc | - Đọc to nghe chung bài đọc có nội dung về bạn ở trường/lớp (Truyện tranh Những người bạn mới) |  |
| Tiết 3: Viết | - Tô tổ hợp các nét cơ bản trong vở (viết trênn bảng con), nét cong kín, nét cong trái, nét cong phải trên bảng con và trong vở. |  |
| 4. Em và bạn bè | 4. Bạn của em ở nhà | Tiết 1: Nói và nghe theo mẫu.  Mở rộng vốn từ và mẫu câu | - Giới thiệu bạn trong lớp của em;  - Câu hỏi về người (hỏi về bạn) |  |
| Từ ngữ chỉ bạn bè, tính tình hoặc sở thích của bạn;  - Mẫu câu, câu giới thiệu người, câu hỏi về người, câu chỉ tính tình hoặc sở thích của người (em/bạn bè) |  |
| Tiết 2: Đọc | - Đọc to nghe chung bài đọc có nội dung về bạn hàng xóm (Truyện tranh Những người bạn hang xóm) |  |
| Tiết 3: Viết | - Tô tổ hợp các nét cơ bản trong vở (viết trên bảng con), nét khuyêt trên, nét khuyêt dưới, nết thắt trên bảng con và trong vở. |  |
| 5. Em và trường lớp | 5. Trường Tiểu học của em | Tiết 1: Nói và nghe theo mẫu.  Mở rộng vốn từ và mẫu câu | - Giới thiệu trường, lớp của em  - Câu hỏi về trường, lớp |  |
| - Từ ngữ chỉ sự vật trong trường, lớp  - Mẫu câu: câu giới thiệu trường, lớp của em; câu giới thiệu đồ vật, câu hỏi về đồ vật trong lớp |  |
| Tiết 2: Đọc | Đọc chữ a, ă, â và từ chỉ có âm chính a dấu huyền, dấu sắc  - Đọc to nghe chung bài đọc có nội dung *về mọi người ở trường (Truyện tranh Mùa thu đến rồi)* |  |
| Tiết 3: Viết | - Tô dấu huyền, dấu sắc, chữ a, ă, â và tô từ có chữ a trong vở (ví dụ: ca, cà, cá) |  |
| 2 | 6. Em và trường lớp | 6. Lớp Một của em | Tiết 1: Nói và nghe theo mẫu.  Mở rộng vốn từ và mẫu câu | - Giới thiệu về lớp của em - Câu hỏi về đồ lớp vật (hỏi về đồ vật trong lớp). |  |
| - Từ ngữ chỉ đồ vật trong lớp  - Mẫu câu: câu giới thiệu đồ vật, câu hỏi về đồ vật trong lớp |  |
| Tiết 2: Đọc | - Đọc chữ b, c và từ có âm đầu là b, c; dấu hỏi;  - Đọc to nghe chung bài đọc *có nội dung* về *đồ dùng học tập (*Truyện tranh Cuộc phiêu lưu thú vị). |  |
| Tiết 3: Viết | - Tô dấu ngã, chữ b, c và tô từ có âm đầu là b, c trong vở (ví dụ: bà, cả) |  |
| 7. Em và trường lớp | 7. Vui học ở trường | Tiết 1: Nói và nghe theo mẫu.  Mở rộng vốn từ và mẫu câu | - Kể về hoạt động của lớp và hoạt động của các bạn ở lớp của em.  - Câu hỏi về các hoạt động(hỏi về hoạt động ở lớp, ở trường) |  |
| - Từ ngữ chỉ hoạt động của lớp và hoạt động của các bạn ở lớp, ở trường.  Mẫu câu: Câu kể hoạt động, câu hỏi về hoạt động |  |
| Tiết 2: Đọc | - Đọc chữ d, đ và từ có âm d, đ; dấu ngã  - Đọc to nghe chung bài đọc có nội dung về hoạt động ở trường lớp (Truyện tranh Hạt nắng bé con) |  |
| Tiết 3: Viết | - Tô dấu ngã, chữ d, đ và tô từ có âm đầu là d, đ trong vở (ví dụ đã, đa) |  |
| 8. Em và gia đình | 8. Người thân trong nhà em | Tiết 1: Nói và nghe theo mẫu.  Mở rộng vốn từ và mẫu câu | - Giới thiệu người trong gia đình em  -Kể việc làm của một vài người thân  - Câu hỏi về người và hoạt động của người thân trong gia đình |  |
| - Từ ngữ chỉ hoạt động của người trong gia đình  - Mẫu câu: Câu kể hoạt động, câu hỏi về hoạt động |  |
| Tiết 2: Đọc | - Đọc chữ e, ê và từ có chữ e, ê; dấu nặng.  - Đọc to nghe chung bài đọc có nội dung về các thành viên trong gia đình (Truyện tranh Bé Mon tập vẽ) |  |
| Tiết 3: Viết | - Tô dấu nặng, chữ e, ê và từ chỉ có 1 âm chính là e, ê trong vở( ví dụ: dẻ, bệ….) |  |
| 9. Em và gia đình | 9. Đồ dùng trong nhà em | Tiết 1: Nói và nghe theo mẫu.  Mở rộng vốn từ và mẫu câu | Giới thiệu đồ dùng trong nhà em |  |
| - Từ ngữ chỉ đồ dùng trong nhà.  - Mẫu câu: Câu giới thiệu đồ vật. |  |
| Tiết 2: Đọc | - Đọc chữ g, h và từ có âm đầu là g, h. Đọc chữ số 0,1.  - Đọc to nghe chung bài đọc có nội dung về đồ dùng gia đình.  (Truyện tranh Chiếc gùi của Y Linh) |  |
| Tiết 3: Viết | - Tô chữ g, h và tô từ  âm đầu là g, h trong vở. (Ví dụ: gà, hẹ..)  - Tô chữ số 0, 1 |  |
| 10. Em và gia đình | 10. Em làm việc nhà | Tiết 1: Nói và nghe theo mẫu.  Mở rộng vốn từ và mẫu câu | - Kể việc em làm ở nhà.  - Câu hỏi về việc em làm ở nhà |  |
| - Từ ngữ chỉ công việc trẻ làm ở nhà.  - Mẫu câu: câu kể hoạt động của em ở nhà, câu hỏi việc em làm ở nhà. |  |
| Tiết 2: Đọc | - Đọc chữ i, y và từ chỉ 1 âm chính là i, y. Đọc chữ số 2, 3  - Đọc to nghe chung bài đọc có nội dung về hoạt động của em và gia đình ở nhà.  (Truyện tranh Làm việc giúp bố mẹ nào) |  |
| Tiết 3: Viết | - Tô chữ i, y và tô từ  Chỉ có 1 âm chính là i, y trong vở. ( Ví dụ: đi, ý...)  - Tô chữ số 2, 3 trong vở |  |
| 3 | 11. Em và bản làng | 11. Bản làng của em | Tiết 1: Nói và nghe theo mẫu.  Mở rộng vốn từ và mẫu câu | - Giới thiệu bản làng em, dân tộc em, tên bản làng, tên dân tộc.  - Câu hỏi về bản làng, về dân tộc. |  |
| - Từ ngữ chỉ người trong bản làng ( người theo độ tuổi)  - Mẫu câu: câu giới thiệu bản làng, dân tộc, câu hỏi về bản làng, dân tộc. |  |
| Tiết 2: Đọc | - Đọc chữ k, l và từ có âm đầu là k, l. Đọc chữ số 4, 5  - Đọc to nghe chung bài đọc có nội dung giới thiệu về văn hóa bản làng.  (Truyện tranh Trứng đỏ may mắn) |  |
| Tiết 3: Viết | - Tô chữ k, l và tô từ có âm đầu là k, l trong vở. (Ví dụ: kể, lá...)  - Tô chữ số 4, 5 trong vở |  |
| 12. Em và bản làng | 12. Cảnh vật ở bản làng em | Tiết 1: Nói và nghe theo mẫu.  Mở rộng vốn từ và mẫu câu | - Giới thiệu những cảnh vật ở bản làng em ( núi, suối, cây cối, nương rẫy, nhà cửa..)  - Câu hỏi về cảnh vật ở bản làng em. |  |
| - Từ ngữ chỉ cảnh vật ở bản làng.  - Mẫu câu: câu giới thiệu cảnh vật ở bản làng, câu hỏi về cảnh vật ở bản làng, câu hỏi vị trí *Ở đâu? Cái gì?* |  |
| Tiết 2: Đọc | - Đọc chữ m, n và từ có âm đầu là m, n. Đọc chữ số 6, 7  - Đọc to nghe chung về cảnh vật của bản làng  (Truyện tranh Bà ơi, mận chín rồi)  - Trả lời câu hỏi đọc hiểu đơn giản: *Ở đâu? Cái gì?* |  |
| Tiết 3: Viết | - Tô chữ m, n và tô từ có âm đầu là m, n trong vở. (Ví dụ: mẹ, na...)  - Tô chữ số 6, 7 trong vở. |  |
| 13. Em và bản làng | 13. Công việc của người ở bản làng em | Tiết 1: Nói và nghe theo mẫu.  Mở rộng vốn từ và mẫu câu | - Kể về công việc của người trong bản làng: trồng rừng, làm nương, chăn nuôi, dệt vải, lễ hội…  - Câu hỏi về hoạt động của người trong bản làng |  |
| - Từ ngữ chỉ hoạt động, công việc của người trong bản làng ở bản làng  Mẫu câu: Câu kể hoạt động của người ở bản làng, câu hỏi hoạt động của người ở bản làng, câu hỏi vị trí *Ở đâu?* Câu hỏi thời gian *Khi nào?* |  |
| Tiết 2: Đọc | - Đọc chữ o và từ chỉ có 1 âm chính là o. Đọc chữ số 8,9  - Đọc to nghe chung bài đọc về hoạt động của người ở bản làng (trồng rừng, làm nương, chăn nuôi, làm nghề thủ công, lễ hội) (Truyện tranh Tết mùa mưa thật vui)  - Trả lời câu hỏi đọc hiểu đơn giản: *Ở đâu, Khi nào?* |  |
| Tiết 3: Viết | -Tô chữ o và tô từ chỉ có 1 âm chính là o trong vở (ví dụ: cỏ, no cỏ)  - Tô chữ số 8, 9 trong vở |  |
| 14. Em và thiên nhiên | 14. Loài vật quanh em | Tiết 1: Nói và nghe theo mẫu.  Mở rộng vốn từ và mẫu câu | - Giới thiệu về những con vật ở quanh em  - Câu hỏi về con vật ở quanh em |  |
| - Từ nghữ chỉ con vật ở quanh em (vật nuôi, con vật sống trong rừng, trong tự nhiên)  - Mẫu câu: câu giới thiệu con vật, câu hỏi vị trí *Ở đâu?* Câu hỏi hoạt động *Làm gì?* |  |
| Tiết 2: Đọc | - Đọc chữ ô, ơ và từ có chữ ô, ơ  - Đọc to nghe chung bài đọc *về con vật ở quanh em (vật nuôi, vật ở trong rừng, trên bầu trời)* (Truyện tranh Thằn lằn xin đuôi) |  |
| Tiết 3: Viết | - Tô chữ ô, ơ và tô từ ngữ chỉ có âm chính là ô, ơ dưới hình minh hoạ (ví dụ: cô, nơ) |  |
| 15. Em và thiên nhiên | 15. Cây cối quanh em | Tiết 1: Nói và nghe theo mẫu.  Mở rộng vốn từ và mẫu câu | - Giới thiệu về những loài cây, loài hoa quả ở quanh em  - Câu hỏi về cây cối, hoa quả ở quanh em |  |
| - Từ ngữ chỉ cây cối, hoa và quả ở quanh em  Mẫu câu: câu giới thiệu cây cối, hoa và quả, câu hỏi vị trí *Ở đâu?* Câu hỏi đặc điểm *Thế nào?* |  |
| Tiết 2: Đọc | - Đọc chữ p, q và từ có âm đầu là p, q  - Đọc to nghe chung bài đọc về cây cối, hoa và quả ở quanh em (truyện tranh cây cỏ “ngủ đông”  - Trả lời câu hỏi đọc hiểu đơn giản: *Ở đâu? Thế nào?* |  |
| Tiết 3: Viết | - Tô chữ p, q và tô từ ngữ có âm đầu là p,q dưới hình minh hoạ (ví dụ: pa-cô, quả…) |  |
| 4 | 16. Em và thiên nhiên | 16. Tiếng kêu cứu từ rừng xanh | Tiết 1: Nói và nghe theo mẫu.  Mở rộng vốn từ và mẫu câu | - Kể những vệc người dân làm để giữ cho thiên nhiên ở bản làng sạch, đẹp, an toàn  - Câu hỏi về hoạt động bảo vệ môi trường thiên nhiên ở bản làng |  |
| - Từ ngữ chỉ hoạt động của người dân bảo vệ môi trường thiên nhiên ở bản làng  - Mẫu câu: kể về hoạt động bảo vệ môi trường thiên nhiên ở bản làng , câu hỏi vị trí *Ở đâu?* Câu hỏi hoạt động *Làm gì?* |  |
| Tiết 2: Đọc | - Đọc chữ r, s và từ có âm đầu là r, s  - Đọc to nghe chung bài đọc *về hoạt động bảo vệ môi trường thiên nhiên ở quanh em (trồng cây, bảo vệ thú rừng, chim rừng, dọn rác thải*…)(Truyện tranh Tiếng kêu cứu từ rừng xanh)  - Trả lời câu hỏi đọc hiểu đơn giản: *Ở đâu? Làm gì?* |  |
| Tiết 3: Viết | - Tô chữ r,s và tô chữ có âm đầu là r, s dưới hình minh hoạ(ví dụ: rổ, sẻ ) |  |
| 17. Ước mơ của em | 17. Trò chơi | Tiết 1: Nói và nghe theo mẫu.  Mở rộng vốn từ và mẫu câu | - Kể những trò chơi, cuộc đi chơi em muốn;  - Hỏi những trò chơi, cuộc đi chơi em thích. |  |
| - Từ ngữ chỉ trò chơi, cuộc đi chơi thú vị của trẻ;  - Mẫu câu: giới thiệu những trò chơi thú vị, câu kể về hoạt động đi chơi thú vị, câu hỏi *Trò chơi gì ? Đi đâu ?* |  |
| Tiết 2: Đọc | + Đọc chữ t và từ ngữ có âm đầu là t.  + Đọc to nghe chung bài đọc về trò chơi thú vị của trẻ; (Truyện tranh Trò chơi)  + Trả lời câu hỏi đọc hiểu đơn giản: *Trò chơi gì? Đi đâu?* |  |
| Tiết 3: Viết | + Tô chữ t và tô từ ngữ có âm đầu là t. |  |
| 18. Ước mơ của em | 18. Đến trường thật là vui | Tiết 1: Nói và nghe theo mẫu.  Mở rộng vốn từ và mẫu câu | - Kể về những hoạt động học em thích (vẽ, hát, thể dục, đọc sách, học toán, …)  - Hỏi về nhưng hoạt động học em thích. |  |
| - Từ ngữ chỉ hoạt động học (vẽ, hát, thể dục thể thao, đọc sách, học toán, …)  - Mẫu câu: kể những hoạt động học em thích, câu hỏi *Học gì ?* |  |
| Tiết 2: Đọc | + Đọc chữ u, ư và từ ngữ chỉ có 1 âm chính là u ư.  + Đọc to nghe chung bài học về sở thích của trẻ. (Truyện tranh Đến trường thật là vui)  + Trả lời câu hỏi đọc hiểu đơn giản: *Em có sở thích gì?* |  |
| Tiết 3: Viết | + Tô chữ u, ư và tô từ ngữ chỉ có 1 âm chính là u ư dưới hình minh họa (ví dụ: su su, củ từ). |  |
| 19. Lớn lên em làm gi? | 19. Lớn lên em làm gi? | Tiết 1: Nói và nghe theo mẫu.  Mở rộng vốn từ và mẫu câu | - Kể về những nghề em thích khi lớn lên;  - Câu hỏi về nghề nghiệp. |  |
| - Từ ngữ chỉ nghề nghiệp phổ biến;  - Mẫu câu: kể những hoạt đôngh nghề nghiệp, câu hỏi *Làm gì? Ở đâu?* |  |
| Tiết 2: Đọc | + Đọc chữ v, x và từ có chữ v, x  + Đọc to nghe chung đọc bài về nghề nghiệp em thích; (Truyện tranh Giấc mơ)  + Trả lời câu hỏi đọc hiểu đơn giản: *Em thích làm nghề gì?* |  |
| Tiết 3: Viết | + Tô chữ v, x và từ ngữ có âm đầu là v, x dưới hình minh họa (Ví dụ: vẽ, xô…). |  |
| 20. Ôn tập | 20. Điều em đã học | Tiết 1: Nói và nghe theo mẫu | - Tự giới thiệu bản thân;  - Kể về gia đình: người thân trong gia đình, nhà ở;  - Kể về hoạt động học em thích. |  |
| Tiết 2: Đọc | - Cùng đọc với giáo viên sách tranh khổ lớn; (Truyện tranh Y Mai đến trường)  - Trả lời câu hỏi đọc hiểu đơn giản: Ai? Cái gì? Ở đâu? |  |
| Tiết 3: Viết. | - Tô chữ cái đã học;  - Tô từ chứa chữ cái đã học dưới tranh;  - Tô chữ số đã học. |  |